

Số: 30 /BC-VKSTC

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Tương trợ tư pháp về hình sự

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Luật Tương trợ tư pháp (TTTP) năm 2007 được Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 21/11/2007 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2008. Luật gồm 7 Chương với 72 điều quy định nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước Việt Nam trong thực hiện TTTP; tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động hợp tác giữa Việt Nam với nước ngoài về TTTP trong 4 lĩnh vực: dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù. Trong đó, các điều, khoản áp dụng đối với hoạt động TTTP về hình sự được quy định tại Chương 3 (từ Điều 17 đến Điều 31) và một số điều của Chương 1, Chương 6 của Luật.

Hoạt động TTTP thời gian qua có nhiều chuyển biến, góp phần rút ngắn thời gian, tạo thuận lợi cho quá trình xét xử các vụ việc có yếu tố nước ngoài và đấu tranh phòng, chống tội phạm, đặc biệt là tội phạm có yếu tố nước ngoài, tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, qua đó góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội để phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Luật TTTP đã thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tăng cường hội nhập quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp cũng như nội luật hóa các cam kết quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực này.

Tuy vậy, sau hơn 15 năm thực hiện, để đáp ứng những yêu cầu mới phát sinh của quá trình hội nhập quốc tế, yêu cầu của cải cách pháp luật, cải cách tư pháp và chuyển đổi số cũng như thực tiễn phát triển của hoạt động TTTP, Luật TTTP nói chung và các quy định của Luật về TTTP trong lĩnh vực hình sự cần được hoàn thiện một cách chuyên sâu và toàn diện. Việc đề xuất xây dựng Luật TTTP về hình sự xuất phát từ các cơ sở chính trị - pháp lý và thực tiễn, cụ thể như sau:

1. Cơ sở chính trị - pháp lý

Trong xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay, tình hình tội phạm nói chung, tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, tội phạm có yếu tố nước ngoài nói riêng có xu hướng gia tăng rõ nét và diễn biến phức tạp; ngày càng có nhiều vụ án hình sự phát sinh hoạt động TTTP về hình sự; nhu cầu hợp tác trong lĩnh vực này sẽ tiếp tục được mở rộng, ngày càng gia tăng về số lượng, phức tạp hơn về hình thức thực hiện, liên quan đến nhiều loại hình tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, tội phạm phi truyền thống. Điều này đòi hỏi pháp luật có liên quan phải tiếp tục được hoàn thiện, làm cơ sở pháp lý cho hoạt động này.

Đảng và Nhà nước đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách nhằm đẩy mạnh chiến lược cải cách tư pháp và tăng cường hội nhập quốc tế nói chung cũng như trong lĩnh vực tư pháp hình sự nói riêng. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới là *“đẩy mạnh xây dựng pháp luật...”* và *“tăng cường hợp tác quốc tế về công tác tư pháp”*. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 cũng xác định một trong những nhiệm vụ của chiến lược cải cách tư pháp là *“hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự, pháp luật dân sự và thủ tục tố tụng tư pháp”* và *“tăng cường hợp tác quốc tế về tư pháp”* và Kết luận số 84-KL/TW, ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW yêu cầu tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ tại Nghị quyết số 49-NQ/TW còn nguyên giá trị. Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị xác định một trong những định hướng chủ yếu của hội nhập quốc tế là *“xây dựng và hoàn thiện các văn bản pháp quy, thiết lập bộ máy đủ thẩm quyền và năng lực để chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát và phối hợp các hoạt động hội nhập quốc tế”*. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng cũng đã xác định nhiệm vụ hoàn thiện pháp luật về TTTP¹; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng trong đó đưa ra quan điểm chỉ đạo là *“Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi”*; Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; Nghị

¹ Mục IX.2 của Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

quyết số 96/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, công tác của VKSND, của Tòa án nhân dân và công tác thi hành án đặt ra nhiệm vụ, giải pháp đối với các cơ quan cần: *tăng cường TTTP, mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong việc thu hồi tài sản của Nhà nước bị thất thoát trong các vụ án về kinh tế, tham nhũng*; mục IV.9 của Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã đặt ra nhiệm vụ: *Hoàn thiện pháp luật điều chỉnh mối quan hệ giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế; giải quyết hiệu quả các xung đột về thẩm quyền và pháp luật giữa Việt Nam và các quốc gia khác, bảo đảm tốt các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cá nhân, tổ chức, cơ quan nhà nước Việt Nam*. Đây là những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo cho việc xây dựng Luật TTTP về hình sự.

Hiến pháp năm 2013 đề cao việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân; các đạo luật mới về tư pháp hình sự² với nhiều sửa đổi, bổ sung liên quan đến hợp tác quốc tế, trong đó Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) (BLTTHS) điều chỉnh đầy đủ, toàn diện hơn các hoạt động hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự, nhằm nâng cao hiệu quả trong giải quyết vụ án có yếu tố nước ngoài. Do đó, yêu cầu sửa đổi, bổ sung các quy định về TTTP hình sự để bảo đảm sự chuyên sâu, đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật là cần thiết.

Việt Nam đã là thành viên của hầu hết các điều ước đa phương trong lĩnh vực tư pháp hình sự có điều khoản về TTTP về hình sự. Từ khi Luật TTTP năm 2007 có hiệu lực (01/7/2008) đến nay, Việt Nam đã đàm phán, ký **19** Hiệp định TTTP về hình sự với nước ngoài, trong đó có 03 Hiệp định được đàm phán, ký trên cơ sở tách khỏi các Hiệp định TTTP đa lĩnh vực ký kết ở các thời kỳ trước (Hiệp định với Lào, Hung-ga-ri, Cộng hòa Séc). Tuy nhiên, các điều khoản về TTTP hình sự trong Luật TTTP năm 2007 còn nhiều nội dung chưa thực sự tương thích với quy định trong các điều ước quốc tế này. Vì vậy, việc ban hành Luật TTTP về hình sự sẽ góp phần tạo điều kiện thực hiện tốt các cam kết, nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam.

Ngày 30/01/2018, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 1083/VPCP-PL thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ đồng ý với kiến nghị của Bộ Tư pháp về việc sửa đổi Luật TTTP năm 2007 theo hướng xây dựng các luật riêng

² Bộ luật Hình sự năm 2015, BLTTHS, Luật Tố chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

gồm Luật TTTP về dân sự, Luật TTTP về hình sự, Luật Dẫn độ và Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù. Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ đề nghị Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tối cao chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, tổng kết, lập đề nghị xây dựng Luật TTTP về hình sự trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội để xem xét đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2021 của Quốc hội theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. VKSND tối cao đã hoàn thiện Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật, sẵn sàng phối hợp với Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, trên cơ sở đề xuất của Bộ Công an và Bộ Tư pháp, ngày 24/9/2020, Thủ tướng Chính phủ đã có ý kiến lùi thời hạn trình Chính phủ Hồ sơ đề nghị xây dựng 03 dự án Luật Dẫn độ, Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, Luật TTTP về dân sự; đồng thời, đề nghị VKSND tối cao trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 cùng thời điểm trình 03 dự án luật nêu trên.

Sau đó, chủ trương nghiên cứu tách Luật TTTP thành các luật riêng đã được đưa vào Đề án số 292-ĐA/ĐĐQH15 ngày 20/10/2021 của Đảng đoàn Quốc hội về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và theo tinh thần của Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV (Kết luận số 19- KL/TW).

Triển khai Kết luận số 19-KL/TW, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 về triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW và Đề án định hướng chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV. Theo Kế hoạch này, Bộ Tư pháp được giao chủ trì phối hợp với VKSND tối cao và các bộ, ngành đã tổng kết 15 năm thi hành Luật TTTP, nghiên cứu, rà soát Luật TTTP với các quy định pháp luật hiện hành và các điều ước quốc tế có liên quan; nghiên cứu khả năng tách ra xây dựng riêng dự án Luật TTTP về dân sự, dự án Luật TTTP về hình sự, dự án Luật điều chỉnh về dẫn độ và dự án Luật điều chỉnh về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù để xem xét đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024-2025.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Tư pháp đã trình Chính phủ Báo cáo số 248/BC-BTP ngày 08/8/2023 rà soát Luật TTTP và nghiên cứu khả năng tách Luật TTTP (Báo cáo số 248/BC-BTP). Trên cơ sở Báo cáo này, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 6409/VPCP-PL ngày 19/8/2023 thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang, nhất trí với đề xuất của Bộ Tư pháp về việc tách Luật TTTP thành 04 luật riêng điều chỉnh từng lĩnh vực khác nhau

(Luật TTTP về dân sự, Luật TTTP về hình sự, Luật Dẫn độ và Luật Chuyên giao người đang chấp hành án phạt tù) và đề nghị VKSND tối cao trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật TTTP hình sự để đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Đối với việc tách Luật TTTP năm 2007

Luật TTTP năm 2007 đang điều chỉnh cả 4 lĩnh vực, dẫn đến trong thực tiễn thực hiện còn có những bất cập, hạn chế. Tại Báo cáo số 248/BC-BTP đã chỉ ra những bất cập, hạn chế này, cụ thể như sau:

(1) Luật TTTP năm 2007 điều chỉnh cả 04 lĩnh vực là TTTP về dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyên giao người đang chấp hành án phạt tù, nhưng những lĩnh vực này mang tính chuyên ngành cao, có sự khác nhau lớn về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, mục đích, tính chất và nguyên tắc hợp tác³.

(2) Trong từng lĩnh vực, các nội dung như chủ thể yêu cầu, chủ thể thực hiện, trình tự, thủ tục, thời gian thực hiện các yêu cầu TTTP cũng hoàn toàn độc lập và khác nhau.

(3) Tại thời điểm ban hành, Luật TTTP năm 2007 điều chỉnh đa lĩnh vực do trên cơ sở kế thừa (về kỹ thuật lập pháp) các Hiệp định TTTP Việt Nam đã ký kết với nước ngoài tại thời điểm đó đều là các Hiệp định điều chỉnh đa lĩnh vực (dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyên giao người đang chấp hành án phạt tù); nhu cầu hợp tác quốc tế trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp chưa cao; các vụ việc đòi hỏi nhu cầu hợp tác chưa nhiều. Vì vậy, việc xây dựng các luật riêng điều chỉnh cho từng lĩnh vực ở thời điểm đó chưa thực sự cấp bách. Trong khi đó, tại thời điểm hiện nay, tình hình tội phạm có yếu tố nước ngoài, đặc biệt là tội phạm xuyên quốc gia ngày càng gia tăng, tạo nên xu hướng rõ nét và thường xuyên đòi hỏi hợp tác quốc tế tư pháp hình sự. Chỉ riêng lĩnh vực TTTP về hình sự, nếu trong năm 2008 Việt Nam chỉ gửi 01 yêu cầu cho nước ngoài, thì năm 2022 đã gửi 369 yêu cầu đề nghị nước ngoài hỗ trợ thực hiện. Đồng thời, đến thời điểm hiện nay thì việc đàm phán và ký kết các điều ước quốc tế trong 04 lĩnh vực nói trên đã được tách thành các điều ước quốc tế độc lập: Bộ Tư pháp chủ trì đàm phán các điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự, VKSND tối cao chủ trì đàm phán các điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực hình sự, Bộ Công an chủ trì đàm phán các điều ước quốc tế trong lĩnh vực dẫn độ và

³ Ví dụ: về nguyên tắc hợp tác, đối với TTTP về hình sự là nguyên tắc hợp tác tối đa; trong chuyên giao người đang chấp hành án phạt tù là nguyên tắc nhân đạo, chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý của người bị yêu cầu chuyên giao; trong dẫn độ cần đảm bảo tuân thủ chặt chẽ nguyên tắc về quyền tài phán.

chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù. Việc tách Luật TTTP thành 04 luật độc lập, giao nhiệm vụ cho các cơ quan đầu mối trong từng lĩnh vực cũng phù hợp, tạo sự liên thông, đồng bộ giữa pháp luật trong nước và điều ước quốc tế trong các lĩnh vực này.

(4) Một số quy định của Luật TTTP được ban hành cách đây đã 15 năm không còn phù hợp với các đạo luật mới trong lĩnh vực tư pháp được Quốc hội ban hành trong thời gian vừa qua khiến Luật TTTP còn thiếu gắn kết và chưa đồng bộ với pháp luật tố tụng trong nước⁴, làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc giải quyết kịp thời các vụ việc dân sự và các vụ án hình sự có yếu tố nước ngoài.

(5) Luật TTTP chưa đáp ứng yêu cầu mới do sự phát triển trong từng lĩnh vực. Trong lĩnh vực dân sự, sự gia tăng của các quan hệ dân sự, thương mại, lao động, hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài không ngừng tăng nhanh về số lượng, đa dạng về hình thức và phức tạp về nội dung khiến cho các yêu cầu TTTP trong lĩnh vực dân sự gia tăng nhanh chóng đòi hỏi quy trình, thủ tục thực hiện phải được xem xét, rút ngắn, cắt giảm các khâu trung gian; hoặc vấn đề thu thập chứng cứ qua cầu truyền hình chưa được quy định. Trong lĩnh vực hình sự, chưa có quy định cho phép người tiến hành tố tụng của Bên yêu cầu được tham gia hoạt động trong quá trình thực hiện TTTP tại Bên được yêu cầu; tổ chức cho người tại Bên được yêu cầu đến Bên yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ... Trong lĩnh vực dẫn độ, chưa có quy định về trình tự, thủ tục lập yêu cầu dẫn độ của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, thủ tục bắt khẩn cấp, thủ tục dẫn độ đơn giản... Trong lĩnh vực chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, chưa có quy định về việc áp dụng trình tự, thủ tục chuyển giao đối với công dân Việt Nam đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài trốn về Việt Nam; xử lý vấn đề người đang chấp hành án phạt tù có hai quốc tịch. Do đó, quy trình và thủ tục thực hiện TTTP trong từng lĩnh vực cần được hoàn thiện, chi tiết, cụ thể để tạo thuận lợi cho việc thực hiện.

(6) Các quy định về chi phí thực hiện TTTP về dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người chấp hành án phạt tù tại Luật TTTP chưa tạo điều kiện thuận lợi cho việc ký kết các điều ước quốc tế. Về cơ bản các chi phí thực hiện yêu cầu giữa Việt Nam và nước ngoài trong cả 04 lĩnh vực theo quy định của Luật TTTP sẽ do nước yêu cầu chi trả. Tuy nhiên, xuất phát từ tính ưu việt của việc có điều ước quốc tế so với việc phải thực hiện qua kênh ngoại giao trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại, các bên ký kết sẽ không thu phí thực hiện yêu cầu của nhau hoặc chi

⁴ Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), BLTTHS, Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, Luật Thi hành án hình sự năm 2019...

phí phát sinh tại lãnh thổ của bên nào thì bên đó chi trả (không bắt buộc bên yêu cầu phải chịu). Do đó, quy định tại Luật TTTP gây vướng mắc cho việc ký kết điều ước quốc tế, khi đó cơ quan đề xuất ký kết phải giải trình vì xét về bản chất nội dung này chưa thực sự phù hợp với pháp luật Việt Nam.

Để giải quyết những bất cập, hạn chế nêu trên, việc tách Luật TTTP thành 04 luật độc lập điều chỉnh từng lĩnh vực TTTP về dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyên giao người đang chấp hành án phạt tù là thật sự cần thiết.

2.2. Đối với đề xuất xây dựng Luật TTTP về hình sự

Do Luật điều chỉnh đa lĩnh vực, một số điều luật thuộc phần quy định chung khi áp dụng cho hoạt động TTTP về hình sự đã thể hiện sự bất cập. Sự bất cập này dẫn đến trên thực tế một số cơ quan có thẩm quyền và cán bộ thực thi pháp luật chưa phân định rõ sự khác nhau giữa các lĩnh vực, từ đó gây khó khăn, vướng mắc trong phối hợp triển khai, thi hành. Cụ thể:

- Phạm vi TTTP về hình sự trong Luật chưa bao hàm hết các phạm vi TTTP hiện nay, chưa phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Cụ thể, Luật chưa có các quy định về cho phép người tiến hành tố tụng của nước yêu cầu được tham gia một số hoạt động trong quá trình thực hiện TTTP tại nước được yêu cầu; tổ chức cho người tại nước được yêu cầu đến nước yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ; chưa quy định cụ thể về TTTP trong việc phong tỏa tài khoản, kê biên, thu giữ, tịch thu và xử lý tài sản do phạm tội mà có và công cụ, phương tiện phạm tội... là những hoạt động TTTP đã được quy định trong các điều ước quốc tế song phương và đa phương trong lĩnh vực tư pháp hình sự mà Việt Nam đã ký kết, tham gia và đã phát sinh trên thực tiễn.

- Quy định của Luật chưa thực sự phù hợp với các điều ước quốc tế đã ký hoặc nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã là thành viên về TTTP hình sự mà Việt Nam là thành viên có thể gây vướng mắc trong thực tiễn và khó khăn khi đàm phán điều ước quốc tế mới.

- Quy trình, thủ tục thực hiện TTTP về hình sự chưa cụ thể, rõ ràng, như: Triệu tập người làm chứng, người giám định; dẫn giải người chấp hành án phạt tù ra nước ngoài để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ; chuyên giao truy cứu trách nhiệm hình sự... dẫn đến lúng túng, khó khăn trong việc thực hiện.

- Một số quy định của Luật chưa thống nhất, hợp lý và chưa thực sự phù hợp thực tiễn, như: quy định về hồ sơ ủy thác, văn bản ủy thác còn một số nội dung chưa hợp lý; không quy định Cơ quan trung ương trong TTTP về hình sự

(mặc dù có quy định nhiệm vụ của VKSND tối cao là tiếp nhận, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện ủy thác tư pháp hình sự); chưa quy định cụ thể, rõ ràng về cơ quan thực hiện TTTP của nước ngoài đối với từng loại yêu cầu cụ thể...

Hơn nữa, tham khảo kinh nghiệm quốc tế cho thấy, có những quốc gia trên thế giới hiện nay như Ô-xtrây-li-a, Xinh-ga-po, Nhật Bản, Thái Lan và Hàn Quốc... đều ban hành riêng 01 luật để quy định về TTTP về hình sự, không đồng thời điều chỉnh các hoạt động dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù và TTTP về dân sự trong luật này. Liên hợp quốc cũng ban hành mẫu Luật TTTP về hình sự và mẫu Luật về dẫn độ để khuyến nghị các quốc gia trên thế giới tham khảo ban hành các đạo luật riêng biệt. Việc điều chỉnh 04 lĩnh vực là TTTP về dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù trong cùng một văn bản quy phạm pháp luật, về mặt kỹ thuật là chưa thực sự phù hợp với thông lệ quốc tế khi các quốc gia trên thế giới đều coi TTTP về dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù là những chuyên ngành luật độc lập và đều xây dựng các đạo luật riêng biệt điều chỉnh từng lĩnh vực.

Đồng thời, việc xây dựng đạo luật riêng về Luật TTTP về hình sự cũng phù hợp với cách tiếp cận chung của thế giới trong lĩnh vực TTTP là phân tách các điều ước quốc tế trong từng lĩnh vực dân sự và hình sự, thực tiễn ký kết các điều ước quốc tế về TTTP giữa Việt Nam và các nước thời gian vừa qua cũng đều theo từng lĩnh vực độc lập mà không còn ký các hiệp định TTTP tổng hợp như trước đây. Được sự cho phép của cấp có thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan, VKSND tối cao, Bộ Công an và Bộ Tư pháp đã và đang thực hiện đàm phán, ký lại các Hiệp định TTTP điều chỉnh đa lĩnh vực theo hướng tách thành các Hiệp định điều chỉnh riêng về TTTP hình sự, dân sự, dẫn độ và chuyển giao đang chấp hành án phạt tù (đã đàm phán, ký lại các Hiệp định với Lào, Cộng hòa Séc và Hung-ga-ri). Vì vậy, việc xây dựng Luật TTTP về hình sự tách khỏi Luật TTTP năm 2007 là phù hợp với xu thế hiện nay mà Việt Nam đã ký kết các điều ước quốc tế trong cùng lĩnh vực.

Vì những lý do nêu trên, việc ban hành Luật TTTP về hình sự là phù hợp và cần thiết nhằm hoàn thiện pháp luật về TTTP về hình sự giúp giải quyết tốt các vụ án hình sự có yếu tố nước ngoài, đấu tranh hiệu quả với các loại hình tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, khắc phục những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nâng cao hiệu quả của hoạt động này, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn trong thời gian tới. Đồng thời, việc xây dựng Luật sẽ góp phần nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động TTTP về hình sự trong bối cảnh hội nhập

quốc tế sâu rộng; tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc ký kết các Hiệp định TTTP về hình sự giữa Việt Nam với nước ngoài; tăng cường hài hòa hóa và giảm bớt xung đột pháp luật Việt Nam với nước ngoài trong lĩnh vực này; bảo đảm nội luật hóa và phù hợp hơn với các điều ước quốc tế có liên quan đến TTTP về hình sự mà Việt Nam là thành viên.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

2.1. Mục tiêu chung

Mục đích của việc xây dựng Luật TTTP về hình sự trên cơ sở kế thừa nội dung về TTTP hình sự của Luật TTTP năm 2007 là nhằm tiếp tục thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về cải cách tư pháp và tăng cường hội nhập, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tư pháp; bảo đảm tương thích và đồng bộ với hệ thống pháp luật trong nước, các cam kết quốc tế của Việt Nam trong cùng lĩnh vực; từng bước xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về tư pháp hình sự, góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Khắc phục hạn chế, bất cập trong quy định của pháp luật hiện hành về TTTP hình sự; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn hoạt động TTTP về hình sự.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động TTTP về hình sự; tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan tiến hành tố tụng trong nước trong việc lập, gửi yêu cầu TTTP hình sự cho nước ngoài thực hiện và thúc đẩy hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực TTTP về hình sự trên cơ sở quy định trình tự, thủ tục, điều kiện chặt chẽ, đúng với quy định của pháp luật.

- Hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực TTTP về hình sự; nâng cao nhận thức và hiệu quả thực thi pháp luật trong lĩnh vực này.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH

Để đạt được mục tiêu xây dựng Luật TTTP về hình sự, VKSND tối cao đã xây dựng Báo cáo đánh giá tác động với 03 nhóm chính sách sau:

1. Chính sách 1: *Xây dựng cơ sở pháp lý ở tầm luật tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền nước ngoài dành cho nhau sự hợp tác, tương trợ tối đa*

1.1. Vấn đề bất cập

- Thứ nhất, về phạm vi TTTP hình sự:

Phạm vi TTTP về hình sự quy định tại Điều 17 Luật TTTP năm 2007 còn hạn chế, chưa phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam trong cùng lĩnh vực; chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Luật chưa có các quy định về cho phép người tiến hành tố tụng của nước yêu cầu được có mặt trong quá trình thực hiện TTTP tại nước được yêu cầu; tổ chức cho người tại nước được yêu cầu đến nước yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ; chưa quy định cụ thể về TTTP trong việc phong tỏa tài khoản, kê biên, thu giữ, tịch thu và xử lý tài sản do phạm tội mà có và công cụ, phương tiện phạm tội... là những hoạt động TTTP đã được quy định trong các điều ước quốc tế song phương và đa phương trong lĩnh vực tư pháp hình sự mà Việt Nam đã ký kết, tham gia và đã phát sinh trên thực tiễn.

- Thứ hai, về các căn cứ từ chối tương trợ:

Điều 21 Luật TTTP năm 2007 quy định về căn cứ từ chối thực hiện TTTP chưa có sự phân biệt trường hợp *bắt buộc* từ chối và trường hợp *có thể* từ chối thực hiện. Quy định như vậy chưa phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia, chưa tạo ra cơ chế linh hoạt trong việc xem xét, quyết định thực hiện tương trợ và có thể dẫn đến vướng mắc trong thực tiễn. Với xu hướng hợp tác tối đa trong TTTP về hình sự, nhiều quốc gia đã xem xét đồng ý thực hiện TTTP ngay cả khi hành vi có liên quan không cấu thành tội phạm theo quy định pháp luật của nước được yêu cầu trong trường hợp không áp dụng các biện pháp cưỡng chế. Tuy nhiên, không đáp ứng nguyên tắc "*tội phạm kép*" vẫn là một trong những căn cứ dẫn đến việc phải bắt buộc từ chối thực hiện TTTP theo quy định tại Luật TTTP.

- Thứ ba, về áp dụng nguyên tắc có đi có lại:

Điều 4 Luật TTTP năm 2007 quy định trong trường hợp giữa các nước chưa ký kết điều ước quốc tế thì áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong hoạt động TTTP. Điều 66 Luật TTTP giao trách nhiệm cho Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xem xét, quyết định áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong quan hệ TTTP với nước hữu quan. Đây là nguyên tắc đặc thù, được áp dụng khá nhiều trong thực tiễn nhưng chưa có sự thống nhất về nhận thức cũng như thiếu hướng dẫn thực hiện. Cụ thể, chưa có tiêu chí cụ thể làm căn cứ quyết định áp dụng nguyên tắc có đi có lại khi tiếp nhận yêu cầu tương trợ của nước ngoài được lập, gửi Việt Nam không dựa trên điều ước quốc tế; chưa quy định cụ thể cơ chế phối hợp giữa VKSND tối cao, Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan trong xem xét áp dụng nguyên tắc có đi có lại. Trên thực tế hiện nay,

khi nhận được các yêu cầu đến gửi Việt Nam theo nguyên tắc có đi có lại, Bộ Ngoại giao có văn bản gửi VKSND tối cao xem xét giải quyết theo thẩm quyền. Đối với các yêu cầu gửi đi nước ngoài, VKSND tối cao thực hiện việc cam kết và chuyển yêu cầu tương trợ cho Bộ Ngoại giao để gửi cho nước ngoài qua kênh ngoại giao. Sau khi nhận được văn bản của VKSND tối cao, Bộ Ngoại giao sẽ lập Công hàm gửi nước ngoài trong đó nêu rõ cam kết về việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại. Những thiếu hụt về cơ sở pháp lý nêu trên cần được luật hóa để đảm bảo tính thống nhất, tạo điều kiện thuận lợi khi gửi hay tiếp nhận yêu cầu tương trợ được lập theo nguyên tắc có đi có lại.

- Thứ tư, vấn đề cam kết không áp dụng hình phạt tử hình trong hoạt động TTTP về hình sự:

Một số yêu cầu TTTP của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong nước gửi đi nước ngoài hoặc yêu cầu chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự của nước ngoài gửi đến Việt Nam liên quan đến tội phạm có thể áp dụng hình phạt tử hình theo quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam. Trong trường hợp này, các nước không áp dụng hình phạt tử hình thường yêu cầu Việt Nam phải đưa ra cam kết *không áp dụng án tử hình hoặc áp dụng nhưng không thi hành án tử hình* là điều kiện để thực hiện hoạt động TTTP. Đây là vấn đề phức tạp nhưng khá phổ biến trong thực tiễn hoạt động TTTP về hình sự cũng như việc đàm phán, ký kết các Hiệp định TTTP về hình sự. Tuy nhiên, Luật TTTP chưa có quy định nào đề cập đến vấn đề này. Do chưa có quy định cụ thể, thống nhất về trình tự, thủ tục thực hiện cam kết không áp dụng hình phạt tử hình trong hoạt động TTTP về hình sự nên các yêu cầu TTTP của Việt Nam gửi ra nước ngoài cũng như việc xem xét tiếp nhận thực hiện yêu cầu từ nước ngoài có liên quan đến yêu cầu cam kết thường gặp khó khăn.

- Thứ năm, vấn đề hợp pháp hóa lãnh sự:

Điều 7 Luật TTTP năm 2007 quy định về hợp pháp hóa lãnh sự nêu tại phần những quy định chung của Luật có thể dẫn đến cách hiểu là phải áp dụng trong cả hoạt động TTTP về hình sự. Trong khi đó, các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia trong cùng lĩnh vực đều quy định miễn việc chứng nhận, chứng thực và hợp pháp hóa lãnh sự đối với giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ ủy thác tư pháp hình sự.

- Thứ sáu, vấn đề chi phí trong hoạt động TTTP về hình sự:

Chi phí trong hoạt động TTTP về hình sự hiện nay đang được thực hiện theo *Thông tư số 144/2012/TT-BTC ngày 04/9/2012 của Bộ Tài chính quy định*

việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác TTTP (Thông tư số 144/2012/TT-BTC); đáp ứng được và không tạo ra khó khăn vướng mắc về kinh phí cho công tác TTTP về hình sự, cụ thể như:

- Chi cho việc xử lý hồ sơ ủy thác tư pháp: nghiên cứu, rà soát xác định tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ, lập hồ sơ, chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền để giải quyết các yêu cầu TTTP.
- Chi phí dịch các tài liệu có liên quan đến công tác TTTP.
- Chi lấy ý kiến chuyên gia: trong trường hợp yêu cầu TTTP liên quan đến vấn đề phức tạp thì người đứng đầu cơ quan thực hiện công tác TTTP quyết định việc lấy ý kiến chuyên gia.
- Chi phí chuyển phát tài liệu, hồ sơ TTTP ra nước ngoài và từ cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài về Việt Nam.
- Chi tổ chức hội thảo, tọa đàm trong lĩnh vực TTTP; chi tổ chức họp, hội nghị đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm trong hoạt động TTTP.
- Chi các đoàn đàm phán hiệp định về TTTP ở trong nước và nước ngoài.
- Chi bồi dưỡng nghiệp vụ trong nước và nước ngoài để nâng cao chuyên môn và nghiệp vụ TTTP.
- Tổ chức khảo sát kinh nghiệm của nước ngoài phục vụ hoạt động TTTP; khảo sát, đánh giá hiện trạng quan hệ nhu cầu hợp tác về TTTP với nước đối tác.
- Chi tổ chức các đoàn khảo sát liên ngành hàng năm đánh giá tình hình triển khai thực hiện công tác TTTP.
- Chi tổ chức mạng lưới thông tin phục vụ cho việc xây dựng và quản lý hệ cơ sở dữ liệu về TTTP; duy trì, bảo dưỡng và nâng cao hiệu quả, hiệu suất của hệ thống thông tin (bao gồm cả việc chi mua sắm phần cứng, phần mềm, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất, dịch vụ khác); chi ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin vào công việc chuyên môn (bao gồm cả việc tin học hóa hệ cơ sở dữ liệu). Chi mua tài liệu, sách báo cần thiết theo từng lĩnh vực TTTP.
- Chi gửi hồ sơ TTTP từ các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cho đương sự hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài.
- Chi thực hiện các hoạt động liên quan đến điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế về TTTP: dịch các điều ước quốc tế, hội thảo, tọa đàm về điều ước quốc tế, soạn thảo điều ước, thẩm định, thẩm tra điều ước quốc tế trong lĩnh vực

TTTP và một số nội dung chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế.

- Các khoản chi khác liên quan đến công tác TTTP: chi hoạt động nghiên cứu khoa học về thực trạng và giải pháp liên quan đến công tác TTTP; chi làm đêm, làm thêm giờ, chi thông tin liên lạc, chi văn phòng phẩm; chi in ấn, phát hành biểu mẫu, giấy tờ, sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ TTTP và một số khoản chi khác liên quan trực tiếp đến công tác TTTP.

Theo đó, các cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động TTTP về hình sự đã được bố trí một mục kinh phí chi thường xuyên hàng năm riêng cho hoạt động này (đính kèm 02 bảng thống kê chi phí chi trả cho hoạt động TTTP của VKSND tối cao):

Bảng 1: Chi phí chi trả cho cán bộ được giao tiếp nhận, xử lý các yêu cầu TTTP từ Việt Nam ra nước ngoài và từ nước ngoài về Việt Nam

STT	Tiêu chí	Đơn vị	Giá trị		Ghi chú
			Yêu cầu từ Việt Nam ra nước ngoài	Yêu cầu từ nước ngoài về Việt Nam	
1.	Thời gian để giải quyết 01 vụ việc	Ngày	10	15	Theo quy định tại Điều 22, Điều 23 Luật TTTP năm 2007.
2.	Dự kiến số yêu cầu TTTP trung bình trong 01 năm	Trường hợp/năm	500	100	Số liệu tương đối dựa trên cơ sở thực tiễn
3.	Đơn giá	Đồng/ngày làm việc	52.000x8 giờ làm việc = 416.000 đồng/ngày làm việc		Chi phí trung bình cho 01 giờ làm việc của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước: khoảng 52.000đ/giờ ⁵
	Tổng chi phí	Đồng/năm	10x416.000x500 =2.080.000.000	15x416.000x100 =624.000.000	

⁵Chi phí trung bình cho 01 giờ làm việc của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước = Chi phí lương tháng bình quân/Tổng số giờ làm việc trong tháng.

Trong đó:

(i) Chi phí lương tháng bình quân = 70% lương tháng của chuyên viên + 30% lương tháng của lãnh đạo + chi phí bảo hiểm. Lưu ý rằng tỷ lệ 70% - 30% được tính trên giá định về tỷ lệ tham gia của lãnh đạo và chuyên viên trong quá trình giải quyết đề nghị.

Theo quy định tại Nghị định 01/VBHN-BNV về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định mức lương cơ sở áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, bình quân lương của một chuyên viên bậc I là **4.212.000đồng/tháng**; bình quân lương của lãnh đạo được giả định tính theo lương của lãnh đạo cấp Vụ (Chuyên viên chính bậc II + Phụ cấp chức vụ) là **10.022.000đồng/tháng**.

Chi phí bảo hiểm được tính bằng 34% trung bình lương tháng của chuyên viên và lãnh đạo tính theo tỷ lệ tham gia giải quyết thủ tục hành chính.

(ii) Tổng số giờ làm việc: 160giờ làm việc/tháng

Theo đó, **chi phí trung bình cho 01 giờ làm việc của cơ quan nhà nước để giải quyết đề nghị là khoảng 52.000 đồng/giờ làm việc**

Bảng 2: Chi phí xử lý hồ sơ yêu cầu TTTP từ Việt Nam ra nước ngoài và từ nước ngoài về Việt Nam

Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Văn bản áp dụng
Chi phí xử lý hồ sơ yêu cầu TTTP (dịch tài liệu, xử lý hồ sơ, chuyển phát hồ sơ...)	600 hồ sơ	1.000.000 đồng/hồ sơ	Trên cơ sở mức chi theo quy định của Thông tư số 144/2012/TT-BTC.
Tổng kinh phí	600.000.000 đồng		

Nhìn chung, kinh phí chi cho hoạt động TTTP về hình sự được sử dụng đúng quy định pháp luật, đúng với dự toán kinh phí hàng năm; về cơ bản đủ bảo đảm thực hiện công tác TTTP về hình sự.

Tuy nhiên, Điều 31 của Luật quy định chi phí thực hiện TTTP về hình sự giữa Việt Nam với nước ngoài do nước yêu cầu chi trả. Trong khi đó, về cơ bản, các Hiệp định TTTP về hình sự giữa Việt Nam với nước ngoài như Hiệp định với Pháp, Lào, Mô-dăm-bích, Hung-ga-ri, Ô-xtrây-li-a... cũng như theo thông lệ quốc tế thì điều khoản về chi phí quy định theo hướng: các chi phí thực hiện tương trợ do nước được yêu cầu chi trả, chỉ trừ những trường hợp cụ thể sau do nước yêu cầu chi trả: (1) chi phí gắn với việc chuyên chở người làm chứng, người giám định hoặc người đang bị giam giữ đến hoặc đi từ lãnh thổ của nước được yêu cầu và các khoản thù lao, sinh hoạt phí, chi phí mà người đó được hưởng trong thời gian có mặt tại nước yêu cầu; (2) chi phí gắn với việc chuyên chở của cán bộ dẫn giải hoặc hộ tống; (3) chi phí liên quan đến giám định; (4) chi phí liên quan đến việc phiên dịch, biên dịch và sao chép tài liệu và thu thập chứng cứ bằng hình ảnh qua cầu truyền hình hoặc các phương tiện kỹ thuật khác từ nước được yêu cầu đến nước yêu cầu; (5) chi phí bất thường phát sinh trong quá trình thực hiện yêu cầu khi nước được yêu cầu đề nghị. Như vậy, quy định tại Điều 31 về chi phí trong Luật TTTP là chưa tương thích với quy định của các điều ước quốc tế và thông lệ quốc tế trong lĩnh vực TTTP về hình sự.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

1.2.1. Mục tiêu tổng quát

Tạo ra cơ sở pháp lý đầy đủ, thuận lợi để cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xem xét tiếp nhận, thực hiện yêu cầu TTTP về hình sự của nước ngoài; lập, gửi, đề nghị nước ngoài thực hiện TTTP hình sự; bảo đảm Việt Nam và nước ngoài dành cho nhau sự hợp tác tối đa trong TTTP hình sự; phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế trong cùng lĩnh vực mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

- Quy định về phạm vi tương trợ một cách toàn diện, đầy đủ.

- Quy định các căn cứ từ chối, hoãn thực hiện tương trợ trên cơ sở kế thừa một số căn cứ quy định tại Điều 21 Luật TTTP năm 2007 nhưng có sự phân biệt giữa trường hợp *bắt buộc* từ chối và trường hợp *có thể* từ chối thực hiện; phù hợp với các điều ước quốc tế và thông lệ quốc tế trong cùng lĩnh vực.

- Quy định về việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại.

- Quy định xử lý trường hợp nước ngoài đề nghị Nhà nước Việt Nam đưa ra cam kết không áp dụng hình phạt tử hình hoặc áp dụng nhưng không thi hành đối với yêu cầu tương trợ của Việt Nam liên quan đến tội phạm có khung hình phạt tử hình.

- Quy định việc hợp pháp hóa lãnh sự và vấn đề chi phí trong hoạt động TTTP về hình sự phù hợp với các điều ước quốc tế và thông lệ quốc tế trong cùng lĩnh vực.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề và đánh giá tác động của các giải pháp

1.3.1. Giải pháp 1:

- Kế thừa các quy định còn phù hợp của Luật TTTP hiện hành về phạm vi tương trợ truyền thống, căn cứ hoãn tương trợ.

- Mở rộng phạm vi TTTP về hình sự quy định tại Điều 17 Luật TTTP năm 2007 theo hướng bổ sung những nội dung mới tương trợ như: cho phép người tiến hành tố tụng của nước yêu cầu được có mặt trong quá trình thực hiện TTTP tại nước được yêu cầu; tổ chức cho người tại nước được yêu cầu đến nước yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ; TTTP trong việc phong tỏa tài khoản, kê biên, thu giữ, tịch thu và xử lý tài sản do phạm tội mà có và công cụ, phương tiện phạm tội.

- Quy định về các căn cứ từ chối thực hiện tương trợ theo hướng chia thành các trường hợp *bắt buộc* phải từ chối và *có thể* từ chối trên cơ sở kế thừa các quy định của Luật TTTP năm 2007 và bổ sung một số căn cứ phù hợp với các điều ước quốc tế và thông lệ quốc tế trong cùng lĩnh vực như: bắt buộc từ chối nếu yêu cầu liên quan đến tội phạm có tính chất chính trị hoặc tội phạm quân sự thuần túy không đồng thời là tội phạm hình sự thông thường; có thể từ chối nếu hành vi liên quan đến yêu cầu có khung hình phạt tử hình... Việc từ chối vì không đáp ứng nguyên tắc tội phạm kép chỉ thực hiện đối với trường hợp yêu cầu tương trợ phải áp dụng biện pháp cưỡng chế.

- Quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng nguyên tắc có đi có lại theo hướng quy định cụ thể trình tự, thủ tục (khi gửi yêu cầu đi, đến) xem xét áp dụng nguyên tắc có đi có lại; quy định cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp cụ

thể trong việc quyết định áp dụng nguyên tắc có đi có lại, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan này trong áp dụng nguyên tắc có đi có lại. Trong áp dụng nguyên tắc có đi, có lại thì VKSND tối cao nên là cơ quan chủ trì xem xét, quyết định. Các bộ, ngành có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin về quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và quốc gia liên quan. Bộ Ngoại giao có trách nhiệm lập Công hàm về việc gửi yêu cầu TTTP về hình sự theo nguyên tắc có đi có lại, trong đó nêu nội dung cam kết về việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại.

- Quy định xử lý trường hợp nước ngoài đề nghị Nhà nước Việt Nam đưa ra cam kết không áp dụng hình phạt tử hình hoặc áp dụng nhưng không thi hành đối với yêu cầu tương trợ của Việt Nam liên quan đến tội phạm có khung hình phạt tử hình. Theo đó, quy định cụ thể về thẩm quyền, trách nhiệm của Cơ quan trung ương, cơ quan lập yêu cầu, quan hệ phối hợp giữa các cơ quan có liên quan để thống nhất việc đưa ra cam kết; quy trình đưa ra cam kết phải được quy định chặt chẽ và việc cam kết chỉ áp dụng trong trường hợp thật cần thiết. Cơ quan trung ương về TTTP hình sự làm đầu mỗi trình các cấp có thẩm quyền và Chủ tịch nước có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Điều 40 Bộ luật Hình sự và Điều 367 BLTTHS.

- Quy định rõ việc miễn hợp pháp hóa lãnh sự đối với giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ ủy thác tư pháp hình sự.

- Quy định vấn đề chi phí trong hoạt động TTTP về hình sự theo hướng nước được yêu cầu sẽ chịu chi phí phát sinh trong quá thực hiện yêu cầu tương trợ trên lãnh thổ nước mình, ngoại trừ một số chi phí đặc thù phải do nước yêu cầu chi trả, phù hợp với các điều ước quốc tế và thông lệ quốc tế trong cùng lĩnh vực.

1.3.1.1. Tác động về kinh tế

- Tác động tích cực:

+ Đối với Nhà nước: về cơ bản, chi phí phát sinh trong hoạt động TTTP về hình sự trên lãnh thổ Việt Nam sẽ do Nhà nước Việt Nam chi trả; các chi phí thực hiện yêu cầu tương trợ của Việt Nam phát sinh trên lãnh thổ nước ngoài do nước ngoài chi trả. Kinh phí cho hoạt động TTTP về hình sự hiện nay đang được thực hiện theo *Thông tư số 144/2012/TT-BTC*, đáp ứng được và không gây ra khó khăn cho công tác TTTP về hình sự. Một số nội dung tương trợ khi thực hiện có thể phát sinh thêm chi phí của Nhà nước đã được quy định trong *Thông tư số 144/2012/TT-BTC*, ví dụ như tương trợ trong việc mời người làm chứng, người giám định ở nước ngoài đến Việt Nam để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ hoặc cử người tiến hành tố tụng có thẩm quyền của Việt Nam sang nước ngoài để tham gia quá trình thực hiện tương trợ... Tuy nhiên, theo nguyên tắc có đi có lại và thông lệ quốc tế, chi phí phát sinh khi thực hiện TTTP cho

Việt Nam ở nước ngoài sẽ do phía nước ngoài chi trả. Ngoài ra, trong một số trường hợp đặc biệt như tương trợ trong việc mời người làm chứng, người giám định, người đang chấp hành án phạt tù ở Việt Nam sang nước ngoài để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ; lấy lời khai qua cầu truyền hình đối với người làm chứng ở Việt Nam... sẽ do nước ngoài chi trả. Như vậy, nếu Luật TTTP về hình sự được ban hành sẽ không phát sinh thêm kinh phí cho Nhà nước. Ngoài ra, một số quy định mới trong Luật TTTP về hình sự có thể làm giảm kinh phí cho hoạt động TTTP về hình sự, ví dụ: việc gửi yêu cầu tương trợ cho một số nước qua hòm thư điện tử chính thức (không cần gửi qua đường bưu điện), việc liên hệ, đôn đốc thực hiện tương trợ bằng phương thức điện tử; quy định về không đòi hỏi chứng nhận, chứng thực, hợp pháp hóa lãnh sự trong TTTP về hình sự.

Việc mở rộng các hoạt động TTTP hình sự không làm phát sinh thêm chi phí do Nhà nước chi trả đối với việc lập, gửi, tiếp nhận và thực hiện yêu cầu TTTP về hình sự. Chi phí cho những hoạt động này (nếu có) khi Luật được ban hành về cơ bản không thay đổi so với chi phí hiện nay. Ví dụ: chi phí đối với yêu cầu cho phép người có thẩm quyền của nước ngoài sang Việt Nam tham gia quá trình thực hiện yêu cầu sẽ do nước ngoài chi trả. Thậm chí, việc bổ sung quy định về lấy lời khai qua cầu truyền hình còn tiết kiệm rất nhiều kinh phí, thời gian, nguồn lực cho Nhà nước.

Về TTTP hình sự trong trường hợp áp dụng nguyên tắc có đi có lại, theo thông lệ quốc tế và thực tiễn trong nước hiện nay, nước yêu cầu phải chi trả kinh phí thực hiện tương trợ. Số liệu thống kê giai đoạn 2008-2022 cho thấy, các yêu cầu tương trợ của Việt Nam (là nước yêu cầu) gửi đi nước ngoài nhiều hơn các yêu cầu tương trợ gửi đến Việt Nam (là nước được yêu cầu). Vì vậy, Việt Nam có lợi về phương diện kinh phí trong hoạt động TTTP về hình sự theo nguyên tắc có đi có lại.

+ Đối với tổ chức, cá nhân: không làm phát sinh chi phí; đồng thời góp phần bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

- Tác động tiêu cực:

Nhà nước sẽ mất chi phí xây dựng ban hành luật và có thể là cả các văn bản hướng dẫn thi hành, chi phí tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thi hành trên phạm vi cả nước thông qua nhiều biện pháp và hình thức khác nhau.

1.3.1.2. Tác động về xã hội

- Tác động tích cực: việc mở rộng phạm vi tương trợ; quy định về điều kiện từ chối tương trợ một cách linh hoạt, hợp lý và đầy đủ; quy định cụ thể việc thực hiện nguyên tắc có đi có lại, cam kết không áp dụng án tử hình; sửa đổi quy

định về chi phí và hợp pháp hóa lãnh sự sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc tăng cường hợp tác, nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần tích cực vào việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo đảm tốt hơn các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Đặc biệt, việc quy định nội dung tương trợ liên quan đến thu hồi tài sản do phạm tội mà có có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc truy tìm, kê biên, phong tỏa tài khoản, thu giữ, tịch thu và trả lại những tài sản bất hợp pháp bị tẩu tán ra nước ngoài về cho Nhà nước và người bị hại; giữ gìn sự ổn định về nguồn lực cho xã hội hoặc trực tiếp phục vụ cho công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

- Tác động tiêu cực: không có.

1.3.1.3. Tác động về giới

Không có.

1.3.1.4. Tác động về thủ tục hành chính

Không phát sinh thủ tục hành chính.

1.3.1.5. Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tác động đến Bộ máy nhà nước: Việc bổ sung các quy định nêu trên cũng không làm phát sinh thêm bộ máy, cơ quan, đơn vị do các vấn đề bổ sung không liên quan đến tổ chức, bộ máy và thuộc quy trình, thủ tục TTTP về hình sự đang thực hiện theo Luật TTTP (quy định về các cơ quan, đơn vị sẽ kế thừa quy định của Luật TTTP); đồng thời, nâng cao hiệu quả quan hệ phối hợp giữa các cơ quan trong hoạt động TTTP về hình sự.

- Tác động đối với điều kiện đảm bảo: thuận lợi trong áp dụng thống nhất cả nước, không ảnh hưởng đến các điều kiện bảo đảm hiện có do không có thay đổi về quy trình thực hiện mà chỉ nâng các quy định đã được đưa vào văn bản dưới luật lên thành các quy định của luật hoặc chuyển thể từ các cam kết quốc tế để thuận lợi trong áp dụng.

- Sự phù hợp với hệ thống pháp luật: Qua rà soát, nội dung chính sách này phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013; đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với các quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), BLTTHS, Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017; Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015...; qua đó, bảo đảm việc đồng bộ, thống nhất khi áp dụng pháp luật.

- Tương thích với các điều ước quốc tế: Nội dung chính sách phù hợp với các điều ước quốc tế đa phương có điều khoản về TTTP hình sự mà Việt Nam là thành viên (bao gồm: Công ước Liên Hợp quốc về chống tội phạm có tổ

chức xuyên quốc gia; Công ước Liên Hợp quốc về chống tham nhũng; Công ước Liên Hợp quốc về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và chất hướng thần; Hiệp định TTTP về hình sự giữa các quốc gia ASEAN) và các Hiệp định song phương điều chỉnh lĩnh vực TTTP về hình sự mà Việt Nam đã ký kết với các nước.

- Tác động tiêu cực: Phải thực hiện rà soát và sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để thực hiện chính sách.

1.3.2. Giải pháp 2: Giữ nguyên như hiện nay

1.3.2.1. Tác động về kinh tế

- Tác động tích cực: Nhà nước không phát sinh chi phí nghiên cứu, xây dựng ban hành một luật mới và có thể là các văn bản hướng dẫn thi hành, chi phí tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thi hành các quy định mới trên phạm vi cả nước.

- Tác động tiêu cực: nếu giữ nguyên như hiện nay, các khó khăn, bất cập nêu tại mục 1.1 Phần II sẽ không được giải quyết.

+ Đối với Nhà nước: không tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động TTTP, dẫn đến việc tốn nguồn lực của nhà nước, ảnh hưởng đến hiệu quả công tác TTTP, hiệu quả giải quyết vụ án hình sự; không giảm được kinh phí cho một số hoạt động TTTP về hình sự, ví dụ: việc gửi yêu cầu tương trợ cho một số nước qua hòm thư điện tử chính thức (không cần gửi qua đường bưu điện), việc liên hệ, đơn đốc thực hiện tương trợ bằng phương thức điện tử; không đòi hỏi chứng nhận, chứng thực, hợp pháp hóa lãnh sự trong TTTP về hình sự.

+ Đối với tổ chức, cá nhân: các yêu cầu TTTP về hình sự sẽ không được giải quyết kịp thời, làm thủ tục tố tụng kéo dài mất thời gian, tốn kém chi phí.

1.3.2.2. Tác động về xã hội

- Tác động tích cực: không làm thay đổi hệ thống pháp luật, tạo niềm tin cho xã hội về một nền pháp luật ổn định, ít thay đổi.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước:

(1) Thiếu cơ sở pháp lý chính thức để thực hiện các hoạt động TTTP về hình sự dù đã phát sinh trên thực tiễn, đã được quy định trong các điều ước quốc tế song phương và đa phương trong lĩnh vực tư pháp hình sự mà Việt Nam đã ký kết, tham gia, như: các quy định về cho phép người tiến hành tố tụng của nước yêu cầu được có mặt trong quá trình thực hiện TTTP tại nước được yêu cầu; tổ chức cho người tại nước được yêu cầu đến nước yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc

cung cấp chứng cứ; phong tỏa tài khoản, kê biên, thu giữ, tịch thu và xử lý tài sản do phạm tội mà có và công cụ, phương tiện phạm tội...

(2) Việc áp dụng các quy định của pháp luật còn có khoảng cách, khoảng trống so với thực tiễn, với các quy định của điều ước quốc tế đã ảnh hưởng trực tiếp đến hợp tác quốc tế trong lĩnh vực TTTP về hình sự giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài. Tiến độ giải quyết vụ án bị chậm do những bất cập của pháp luật hiện hành về thủ tục xem xét, quyết định nguyên tắc có đi có lại dẫn đến giảm uy tín của nhà nước trong quan hệ ngoại giao.

(3) Việc chưa nội luật hóa một số quy định của hiệp định về TTTP hình sự sẽ gây khó khăn trong việc ký kết và thực hiện các hiệp định này, ảnh hưởng đến hình ảnh chủ động, tích cực của Việt Nam trong quan hệ quốc tế.

(4) Quy định về chi phí TTTP về hình sự do nước yêu cầu chi trả gây khó khăn cho quá trình ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế về TTTP về hình sự.

+ Đối với tổ chức, cá nhân: hiệu quả, tiến độ giải quyết vụ án không hiệu quả, đảm bảo, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng; ảnh hưởng đến niềm tin của người dân và xã hội đến hệ thống tư pháp.

1.3.2.3. Tác động về giới

Không có.

1.3.2.4. Tác động về thủ tục hành chính

Không phát sinh thủ tục hành chính.

1.3.2.5. Tác động đối với hệ thống pháp luật

Việc chưa có một cơ sở pháp lý đủ hiện đại và toàn diện cho việc thực hiện các yêu cầu TTTP cũng như hợp tác với nước ngoài trong TTTP về hình sự sẽ có những ảnh hưởng nhất định đến tính toàn diện, đồng bộ, thống nhất, minh bạch, rõ ràng và khả thi của hệ thống pháp luật.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng có liên quan

Có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Các cơ quan tiến hành tố tụng sẽ phát sinh thêm nhiệm vụ, quyền hạn, hoạt động. Các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động TTTP về hình sự có thể phát sinh thêm quyền, nghĩa vụ và trong một số trường hợp có thể được hưởng lợi từ chính sách nhân đạo (ví dụ như được ân giảm án tử hình).

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Đề nghị lựa chọn giải pháp 1: mở rộng quy định về phạm vi tương trợ; quy định đầy đủ các căn cứ từ chối thực hiện tương trợ; quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện cam kết có đi có lại, cam kết không áp dụng án tử hình; sửa đổi quy định về chi phí và hợp pháp hóa lãnh sự.

Cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách: Quốc hội.

2. Chính sách 2: *Quy định có hệ thống, đầy đủ, cụ thể, chặt chẽ trình tự, thủ tục thực hiện các hoạt động TTTP về hình sự*

2.1. Vấn đề bất cập

- Luật TTTP năm 2007 chưa có quy định cụ thể về trình tự, thủ tục thực hiện một số yêu cầu TTTP về hình sự như: triệu tập người làm chứng, người giám định; dẫn giải người chấp hành án phạt tù ra nước ngoài để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ; chuyên giao truy cứu trách nhiệm hình sự; kê biên, phong tỏa tài khoản, tịch thu, xử lý tài sản do phạm tội mà có... dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Điều 19 Luật TTTP năm 2007 quy định về hồ sơ ủy thác, văn bản ủy thác còn một số nội dung chưa hợp lý. Thực tiễn cho thấy, chất lượng hồ sơ ủy thác tư pháp do các cơ quan tiến hành tố tụng gửi ra nước ngoài còn hạn chế; nhiều hồ sơ còn thiếu thông tin, tài liệu cần thiết, nội dung không đầy đủ. Những hạn chế này dẫn đến số lượng hồ sơ ủy thác tư pháp phải hướng dẫn lập lại hoặc phải trao đổi làm rõ, bổ sung thông tin còn nhiều, ảnh hưởng đến tính kịp thời và chất lượng của hoạt động TTTP hình sự. Luật chưa quy định việc gửi hồ sơ ủy thác tư pháp dưới hình thức điện tử nhằm nâng cao hiệu quả, tính kịp thời của việc tiếp nhận, giải quyết yêu cầu TTTP về hình sự trong khi một số Hiệp định TTTP về hình sự đã quy định và thực tiễn đã triển khai thực hiện.

- Điểm d khoản 1 Điều 20 Luật TTTP năm 2007 quy định nơi gửi yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự tới là quốc gia nơi người phạm tội mang quốc tịch. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 28 của Luật lại quy định nơi gửi yêu cầu tới là quốc gia nơi người phạm tội đang có mặt. Quy định như vậy là chưa thống nhất.

- Điều 29 Luật TTTP năm 2007 quy định cơ quan tiếp nhận truy cứu trách nhiệm hình sự công dân Việt Nam tại Việt Nam là cơ quan nơi công dân đó cư trú cuối cùng trước khi ra nước ngoài là không hợp lý, vì có nhiều trường hợp công dân Việt Nam đã ra nước ngoài trong thời gian dài, nhiều trường hợp công dân Việt Nam ra nước ngoài trái pháp luật, không khai báo đúng tên tuổi, nơi cư trú cuối cùng của mình. Ngoài ra, theo quy định tại Điều 29, trường hợp chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự công dân Việt Nam tại Việt Nam trong giai đoạn điều tra thì VKSND cấp tỉnh tiếp nhận sau đó chuyển cho Cơ quan điều tra

cùng cấp để tiến hành điều tra; nếu việc chuyển giao thực hiện trong giai đoạn truy tố thì VKSND cấp tỉnh tiếp nhận và tiến hành truy tố. Quy định như vậy là chưa hợp lý vì có sự khác nhau trong việc xác định giai đoạn tố tụng theo quy định của pháp luật nước ngoài và Việt Nam.

- Luật TTTP năm 2007 chưa có quy định để xử lý trường hợp yêu cầu TTTP về hình sự gửi nước ngoài đã lâu, Cơ quan trung ương về TTTP hình sự đã nhiều lần có văn bản đôn đốc tiến độ nhưng không nhận được kết quả thực hiện TTTP để cơ quan tiến hành tố tụng có căn cứ áp dụng các thủ tục tố tụng tiếp theo đối với vụ án hình sự có liên quan.

- Luật TTTP năm 2007 chưa có quy định về cơ chế đặc thù trong việc tiếp nhận, giải quyết yêu cầu TTTP về hình sự trực tiếp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng ở địa phương có chung đường biên giới với nước láng giềng, là cơ chế đã được quy định trong Hiệp định TTTP về hình sự giữa Việt Nam và Lào. Luật chưa có quy định về cơ chế phối hợp giữa Cơ quan trung ương với cơ quan lập hồ sơ ủy thác tư pháp, cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam trong việc trao đổi thông tin, liên hệ đôn đốc giải quyết yêu cầu TTTP. Luật chưa quy định Cơ quan trung ương của Việt Nam có thẩm quyền, trách nhiệm lập hồ sơ ủy thác tư pháp trong một số trường hợp do trên thực tế pháp luật một số quốc gia đòi hỏi yêu cầu TTTP phải do Cơ quan trung ương của nước yêu cầu lập.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

2.2.1. Mục tiêu tổng quát

Tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các hoạt động TTTP về hình sự, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động TTTP về hình sự thời gian tới

2.2.2. Mục tiêu cụ thể

- Quy định các hoạt động TTTP về hình sự đều có trình tự, thủ tục đầy đủ, cụ thể, chặt chẽ; có sự phân biệt rõ ràng giữa trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu TTTP đến và yêu cầu TTTP đi; quy định các điều khoản nhằm nâng cao kết quả các yêu cầu TTTP đi, xử lý vấn đề yêu cầu nước ngoài thực hiện tương trợ không có kết quả.

- Quy định từng nội dung tương trợ có trình tự, thủ tục riêng phù hợp.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề và đánh giá tác động của các giải pháp

2.3.1. Giải pháp 1: Kế thừa các quy định hiện hành về quy trình, thủ tục thực hiện và thời hạn xử lý. Đồng thời, quy định chi tiết, cụ thể trình tự, thủ tục thực hiện các hoạt động TTTP về hình sự theo hướng sau:

- Xây dựng trình tự, thủ tục tiếp nhận, giải quyết yêu cầu TTTP đến, bao gồm:

+ Trình tự, thủ tục tiếp nhận, thẩm định hồ sơ ủy thác tư pháp; đề nghị bổ sung thông tin yêu cầu;

+ Trình tự, thủ tục thực hiện các nội dung tương trợ cụ thể như: tổng đạt giấy tờ, tài liệu; lấy lời khai, thu thập tài liệu, chứng cứ; khám xét, thu giữ; tổ chức cho người làm chứng, người giám định, người đang chấp hành án phạt tù sang nước yêu cầu hỗ trợ điều tra, cung cấp chứng cứ; lấy lời khai qua cầu truyền hình; kê biên, phong tỏa tài khoản, tạm giữ, tịch thu, trả lại tài sản do phạm tội mà có; xem xét, thực hiện lệnh, quyết định của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài tại Việt Nam; chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự...;

+ Phối hợp trao đổi thông tin, giải thích vướng mắc về sự khác biệt pháp luật, tháo gỡ khó khăn trong quá trình giải quyết yêu cầu TTTP;

+ Đôn đốc, thông báo tiến độ thực hiện TTTP;

+ Trả kết quả thực hiện yêu cầu TTTP.

- Xây dựng trình tự, thủ tục tiếp nhận, giải quyết yêu cầu TTTP đi, bao gồm:

+ Nội dung hồ sơ ủy thác tư pháp;

+ Trình tự, thủ tục lập, gửi, thẩm định hồ sơ ủy thác; bổ sung thông tin yêu cầu TTTP;

+ Lập, gửi, yêu cầu tương trợ trực tiếp giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam với các nước có chung đường biên giới. Theo đó, VKSND các tỉnh của Việt Nam có chung đường biên giới đất liền với nước ngoài được đại diện cho Cơ quan trung ương của Việt Nam trong lập, gửi, tiếp nhận, thực hiện tương trợ và báo cáo cho Cơ quan trung ương để theo dõi, phối hợp liên hệ, đôn đốc và thực hiện quản lý Nhà nước;

+ Phối hợp trao đổi thông tin trong quá trình giải quyết yêu cầu TTTP;

+ Đôn đốc nước ngoài thực hiện tương trợ, thông báo tiến độ thực hiện TTTP;

+ Thông báo kết quả thực hiện yêu cầu TTTP về hình sự: Trong đó, quy định về trả kết quả TTTP về hình sự do nước được yêu cầu thực hiện cho cơ quan tiến hành tố tụng lập yêu cầu trên cơ sở kế thừa quy định của Điều 22 Luật TTTP năm 2007; bổ sung trách nhiệm của cơ quan lập yêu cầu trong việc xử lý kết quả do nước ngoài thực hiện; bổ sung trách nhiệm của cơ quan trung ương trong thông tin về việc không có kết quả tương trợ cho cơ quan lập đề nghị để chủ động thực hiện các biện pháp tố tụng theo quy định của pháp luật, bảo đảm hiệu quả trong việc giải quyết vụ án;

+ Kết thúc yêu cầu nước ngoài thực hiện tương trợ.

2.3.1.1. Tác động về kinh tế

- Đối với Nhà nước: giải pháp nêu trên chủ yếu mang tính kỹ thuật, nội luật hóa quy trình, thủ tục thực tiễn đang áp dụng, nhằm triển khai có hiệu quả hoạt động TTTP hình sự, về cơ bản không phát sinh thêm chi phí của Nhà nước. Mức kinh phí cho hoạt động TTTP về hình sự sau khi ban hành Luật TTTP về hình sự về cơ bản giữ nguyên như mức kinh phí của hoạt động TTTP về hình sự hiện nay. Không giống như hoạt động TTTP về dân sự có nhiều nội dung mang tính dịch vụ hành chính công (như tương trợ về tổng đạt, thừa phát lại...), hoạt động TTTP về hình sự luôn gắn liền với hoạt động tố tụng hình sự, trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, là hoạt động mang tính quyền lực công. Việc tiết kiệm kinh phí không hoàn toàn là mục tiêu hướng tới khi ban hành Luật TTTP về hình sự; thay vào đó là hướng tới tính hiệu quả, có kết quả của hoạt động TTTP về hình sự, cụ thể: việc thu thập tài liệu, chứng cứ, thực hiện các thủ tục tố tụng ở nước ngoài phải đảm bảo có kết quả và kết quả đó góp phần giải quyết vụ án hình sự triệt để, vừa đảm bảo về mặt tố tụng vừa đảm bảo điều tra, truy tố, xét xử hết các đối tượng và hành vi phạm phạm tội, thu hồi tài sản do phạm tội mà có; tránh việc tách tài liệu hồ sơ vụ án, tạm đình chỉ vụ án do tài liệu, chứng cứ ở nước ngoài không thể thu thập được; từ đó góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết các vụ án hình sự trong nước có yếu tố nước ngoài, hiệu quả hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm trong xu thế hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay. Tuy nhiên, việc nội luật hóa quy trình, thủ tục đối với từng loại yêu cầu cụ thể cũng như quy định cơ chế đặc thù trong hoạt động TTTP về hình sự trực tiếp giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có chung đường biên giới với nước láng giềng sẽ tạo thuận lợi, rút ngắn thời gian cho các cơ quan có thẩm quyền trong việc phối hợp thực hiện yêu cầu; từ đó sẽ tiết kiệm được kinh phí hoạt động.

- Đối với tổ chức, cá nhân: không làm phát sinh chi phí với tổ chức, cá nhân.

2.3.1.2. Tác động về xã hội

- Tác động tích cực: cụ thể trình tự, thủ tục các hoạt động TTTP về hình sự sẽ nâng cao hiệu quả hợp tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Tác động tiêu cực: không có.

2.3.1.3. Tác động về giới

Không có.

2.3.1.4. Tác động về thủ tục hành chính

Trình tự, thủ tục TTTP về hình sự được quy định chi tiết, đầy đủ hơn, không phát sinh thủ tục hành chính.

2.3.1.5. Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tác động đến Bộ máy nhà nước: Việc bổ sung các quy định nêu trên cũng không làm phát sinh thêm bộ máy, cơ quan, đơn vị do các vấn đề bổ sung không liên quan đến tổ chức, bộ máy và thuộc quy trình, thủ tục TTTP về hình sự đang thực hiện theo Luật TTTP (quy định về các cơ quan, đơn vị sẽ kế thừa quy định của Luật TTTP); đồng thời, nâng cao hiệu quả quan hệ phối hợp giữa các cơ quan trong hoạt động TTTP về hình sự.

- Tác động đối với điều kiện đảm bảo: thuận lợi trong áp dụng thống nhất cả nước, không ảnh hưởng đến các điều kiện bảo đảm hiện có do không có thay đổi về quy trình thực hiện mà chỉ nâng các quy định đã được đưa vào văn bản dưới luật lên thành các quy định của luật hoặc chuyển thể từ các cam kết quốc tế để thuận lợi trong áp dụng.

- Sự phù hợp với hệ thống pháp luật: Qua rà soát, nội dung chính sách này phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013; đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với các quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2019, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), BLTTHS, Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017; Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015...; qua đó, bảo đảm việc đồng bộ, thống nhất khi áp dụng pháp luật.

- Tương thích với các điều ước quốc tế: Nội dung chính sách phù hợp với các điều ước quốc tế đa phương có điều khoản về TTTP hình sự mà Việt Nam là thành viên (*bao gồm: Công ước Liên Hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia; Công ước Liên Hợp quốc về chống tham nhũng; Công ước Liên Hợp quốc về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và chất hướng thần; Hiệp định TTTP về hình sự giữa các quốc gia ASEAN*) và các Hiệp định song phương điều chỉnh lĩnh vực TTTP về hình sự mà Việt Nam đã ký kết với các nước.

- Tác động tiêu cực: Phải thực hiện rà soát và sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để thực hiện chính sách.

2.3.2. Giải pháp 2: giữ nguyên như hiện nay

2.3.2.1. Tác động về kinh tế

- Tác động tích cực: Nhà nước không phát sinh chi phí nghiên cứu, xây dựng ban hành một luật mới và có thể là các văn bản hướng dẫn thi hành, chi phí tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thi hành các quy định mới trên phạm vi cả nước.

- Tác động tiêu cực: nếu giữ nguyên như hiện nay, các khó khăn, bất cập nêu tại mục 2.1 Phần II sẽ không được giải quyết.

+ Đối với Nhà nước: không tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động TTTP, ảnh hưởng đến hiệu quả công tác TTTP, hiệu quả giải quyết vụ án hình sự, dẫn đến việc tổn nguồn lực của nhà nước, tăng chi phí cho nhà nước.

+ Đối với tổ chức, cá nhân: các yêu cầu TTTP về hình sự sẽ không được giải quyết kịp thời, làm thủ tục tố tụng kéo dài mất thời gian, tốn kém chi phí.

2.3.2.2. Tác động về xã hội

- Tác động tích cực: không làm thay đổi hệ thống pháp luật, tạo niềm tin cho xã hội về một nền pháp luật ổn định, ít thay đổi.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: các hoạt động TTTP về hình sự không có trình tự, thủ tục đầy đủ, cụ thể, chặt chẽ; không có sự phân biệt rõ ràng giữa trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu TTTP đến và yêu cầu TTTP đi; không nâng cao được kết quả các yêu cầu TTTP đi.

+ Đối với tổ chức, cá nhân: hiệu quả, tiến độ giải quyết vụ án không hiệu quả, đảm bảo, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng; ảnh hưởng đến niềm tin của người dân và xã hội đến hệ thống tư pháp.

2.3.2.3. Tác động về giới

Không có.

2.3.2.4. Tác động về thủ tục hành chính

Không phát sinh thủ tục hành chính.

2.3.2.5. Tác động đối với hệ thống pháp luật

Chưa có một cơ chế hoàn thiện điều chỉnh các trình tự, thủ tục thực hiện các yêu cầu TTTP cũng như hợp tác với nước ngoài trong TTTP về hình sự sẽ có những ảnh hưởng nhất định đến tính toàn diện, đồng bộ, thống nhất, minh bạch, rõ ràng và khả thi của hệ thống pháp luật.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng có liên quan

Có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan, đặc biệt là các cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động TTTP về hình sự. Làm phát sinh trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền lập, thẩm định, giải quyết yêu cầu TTTP về hình sự.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Đề nghị lựa chọn giải pháp 1: quy định chi tiết, cụ thể trình tự, thủ tục thực hiện các hoạt động TTTP về hình sự.

Cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách: Quốc hội.

3. Chính sách 3: Quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam trong hoạt động TTTP về hình sự; xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả giữa Cơ quan trung ương về TTTP hình sự với các cơ quan có thẩm quyền khác trong hoạt động TTTP về hình sự

3.1. Vấn đề bất cập

- Luật TTTP năm 2007 chưa xác định đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan có thẩm quyền cũng như cơ chế phối hợp giữa các cơ quan này trong hoạt động TTTP về hình sự. Luật quy định vai trò quan trọng của VKSND tối cao trong TTTP hình sự nhưng không nêu rõ VKSND tối cao là Cơ quan trung ương của Việt Nam trong lĩnh vực này. Trong khi đó, quy định Cơ quan trung ương về TTTP hình sự là VKSND tối cao đã được ghi nhận trong Hiệp định TTTP về hình sự giữa Việt Nam với các nước và trong BLTTHS năm 2015 (Điều 493), Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (Điều 91).

- Trong thực tiễn, sự phối hợp giữa các cơ quan có liên quan ở cấp trung ương và cơ quan tiến hành tố tụng địa phương trong quá trình triển khai thực hiện một số hoạt động TTTP về hình sự còn lúng túng, vướng mắc. Cách thức gửi yêu cầu TTTP về hình sự cho nước ngoài của một số cơ quan tiến hành tố tụng còn thiếu nhất quán; không gửi yêu cầu TTTP qua Cơ quan trung ương là VKSND tối cao mà gửi tới Văn phòng Interpol Việt Nam, Sở Ngoại vụ, Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao, Đại sứ quán hoặc cơ quan lãnh sự các nước hoặc gửi trực tiếp tới các cơ quan tiến hành tố tụng nước ngoài. Cơ quan tiến hành tố tụng ở một số địa phương có chung đường biên giới với các nước láng giềng trực tiếp liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền nước Bạn để yêu cầu tương trợ, nhưng không kịp thời báo cáo với Cơ quan trung ương. Vì không phải là tương trợ chính thức nên nhiều yêu cầu TTTP không có kết quả. Vì thế, VKSND tối cao không nắm được thông tin để liên hệ đơn đốc tiến độ thực hiện đối với Cơ quan trung ương của nước ngoài. Do không có cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin nên khi các bộ ngành khác nhận được ủy thác gửi đến không đúng thẩm quyền cũng không thông báo để VKSND tối cao biết để giải quyết.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

3.2.1. Mục tiêu tổng quát

Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong triển khai hoạt động TTTP về hình sự; bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả của hoạt động TTTP vốn phụ thuộc nhiều vào yếu tố “*liên ngành*” trong triển khai thực hiện.

3.2.2. Mục tiêu cụ thể

- Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong hoạt động TTTP về hình sự.

- Xác định rõ cơ chế phối hợp giữa các cơ quan có liên quan trong hoạt động TTTP về hình sự.

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề và đánh giá tác động của các giải pháp

3.3.1. Giải pháp 1: quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động TTTP về hình sự; xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả giữa Cơ quan trung ương về TTTP hình sự với các cơ quan có thẩm quyền khác trong hoạt động TTTP về hình sự; cụ thể như sau:

- Quy định rõ VKSND tối cao là Cơ quan trung ương của Việt Nam trong hoạt động TTTP về hình sự với nước ngoài; nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND tối cao và cơ chế phối hợp giữa VKSND tối cao với cơ quan có liên quan khác trong lĩnh vực TTTP về hình sự.

- Quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan có liên quan trong lĩnh vực TTTP về hình sự, bao gồm: Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài và cơ quan tiến hành tố tụng các cấp; trách nhiệm phối hợp của những cơ quan này với VKSND tối cao trong hoạt động TTTP về hình sự.

3.3.1.1. Tác động về kinh tế

- Đối với Nhà nước: giải pháp nêu trên tập trung vào việc tổ chức triển khai thực hiện hoạt động TTTP hình sự, về cơ bản không phát sinh thêm chi phí của Nhà nước.

- Đối với tổ chức, cá nhân: không làm phát sinh chi phí với tổ chức, cá nhân.

3.3.1.2. Tác động về xã hội

- Tác động tích cực: nâng cao hiệu quả hoạt động TTTP về hình sự và hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

- Tác động tiêu cực: không có.

3.3.1.3. Tác động về giới

Không có.

3.3.1.4. Tác động về thủ tục hành chính

Thẩm quyền, trách nhiệm và quan hệ phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong lĩnh vực TTTP về hình sự được quy định chi tiết, đầy đủ hơn, không phát sinh thủ tục hành chính.

3.3.1.5. Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tác động tích cực: về cơ bản, giải pháp nêu trên không ảnh hưởng đến hệ thống pháp luật hiện hành. Việc quy định rõ, đầy đủ thẩm quyền, trách nhiệm và quan hệ phối hợp của các cơ quan liên quan đảm bảo phù hợp, đồng bộ với quy định của pháp luật trong nước và điều ước quốc tế trong cùng lĩnh vực.

- Tác động đến Bộ máy nhà nước: Việc bổ sung các quy định trên cũng không làm phát sinh thêm bộ máy, cơ quan, đơn vị do các vấn đề bổ sung không liên quan đến tổ chức, bộ máy và thuộc quy trình, thủ tục TTTP về hình sự đang thực hiện theo Luật TTTP (quy định về các cơ quan, đơn vị sẽ kế thừa quy định của Luật TTTP); đồng thời, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan trong hoạt động TTTP về hình sự. Hiện nay, VKSND tối cao giao Vụ Hợp tác quốc tế và TTTP về hình sự là cơ quan đầu mối thực hiện hoạt động TTTP về hình sự; mặc dù số lượng cán bộ còn hạn chế tuy nhiên vẫn đảm bảo hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Đối với Viện kiểm sát địa phương, các cán bộ thực hiện công tác TTTP về hình sự theo sự phân công từng vụ việc cụ thể của lãnh đạo. Vì vậy, sau khi bổ sung các quy định trên, nhiệm vụ, trách nhiệm của các lực lượng này vẫn tiến hành theo quy trình thông thường.

- Tác động tiêu cực: Không có.

3.3.2. Giải pháp 2: Giữ nguyên như hiện nay

3.3.2.1. Tác động về kinh tế

- Tác động tích cực: Nhà nước không phát sinh chi phí nghiên cứu, xây dựng ban hành một luật mới và có thể là các văn bản hướng dẫn thi hành, chi phí tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thi hành các quy định mới trên phạm vi cả nước.

- Tác động tiêu cực: nếu giữ nguyên như hiện nay, các khó khăn, bất cập nêu tại mục 3.1 Phần II sẽ không được giải quyết.

+ Đối với Nhà nước: không tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động TTTP, dẫn đến việc tốn nguồn lực của nhà nước, ảnh hưởng đến hiệu quả công tác TTTP, hiệu quả giải quyết vụ án hình sự.

+ Đối với tổ chức, cá nhân: các yêu cầu TTTP về hình sự sẽ không được giải quyết kịp thời, làm thủ tục tố tụng kéo dài mất thời gian, tốn kém chi phí.

3.3.2.2. Tác động về xã hội

- Tác động tích cực: không làm thay đổi hệ thống pháp luật, tạo niềm tin cho xã hội về một nền pháp luật ổn định, ít thay đổi.

- Tác động tiêu cực:

+ Đối với Nhà nước: không giúp nâng cao hiệu quả hoạt động TTTP về hình sự và hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

+ Đối với tổ chức, cá nhân: hiệu quả, tiến độ giải quyết vụ án không hiệu quả, đảm bảo, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng; ảnh hưởng đến niềm tin của người dân và xã hội đến hệ thống tư pháp.

3.3.2.3. Tác động về giới

Không có.

3.3.2.4. Tác động về thủ tục hành chính

Không phát sinh thủ tục hành chính.

3.3.2.5. Tác động đối với hệ thống pháp luật

Chưa quy định rõ, đầy đủ thẩm quyền, trách nhiệm và quan hệ phối hợp của các cơ quan liên quan, không đảm bảo phù hợp, đồng bộ với quy định của pháp luật trong nước và điều ước quốc tế trong cùng lĩnh vực sẽ có những ảnh hưởng nhất định đến tính toàn diện, đồng bộ, thống nhất, minh bạch, rõ ràng và khả thi của hệ thống pháp luật.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng có liên quan

Việc quy định đầy đủ thẩm quyền, trách nhiệm và quan hệ phối hợp của các cơ quan có liên quan trong TTTP về hình sự có thể dẫn đến việc phải tiếp tục xây dựng, hoàn thiện về thể chế của từng cơ quan để có thể thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn được giao cũng như để thực hiện có hiệu quả việc phối hợp liên ngành trong lĩnh vực này.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Đề nghị lựa chọn giải pháp 1: quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động TTTP về hình sự; xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả giữa Cơ quan trung ương về TTTP hình sự với các cơ quan có thẩm quyền khác trong hoạt động TTTP về hình sự.

Cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách: Quốc hội.

III. LẤY Ý KIẾN THAM VẤN

Quá trình xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách trong đề nghị xây dựng Luật TTTP về hình sự, VKSND tối cao đã lấy ý kiến góp ý

của các bộ, ngành hữu quan và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của VKSND tối cao để lấy ý kiến rộng rãi cùng với việc lấy ý kiến góp ý, phản biện của tổ chức, cá nhân có liên quan về hồ sơ đề nghị xây dựng Luật. Trên cơ sở đó, VKSND tối cao đã có Công văn số 183/VKSTC-V14 ngày 15/01/2020 gửi Chính phủ đề nghị cho ý kiến đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Luật và đã tiếp thu, giải trình nội dung ý kiến của Chính phủ nêu tại Công văn số 105/CP-PL ngày 01/4/2020.

Tuy nhiên, trên cơ sở đề xuất của Bộ Công an và Bộ Tư pháp, Thủ tướng Chính phủ đã có ý kiến lùi thời hạn trình Chính phủ Hồ sơ đề nghị xây dựng 03 dự án Luật Dẫn độ, Luật Chuyển giao người chấp hành án phạt tù, Luật TTTP về dân sự; đồng thời đề nghị VKSND tối cao trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 cùng thời điểm trình 03 dự án luật nêu trên⁶.

Vì vậy, VKSND tối cao tiếp tục hoàn thiện dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách trong đề nghị xây dựng Luật TTTP về hình sự; lấy ý kiến góp ý của các bộ, ngành hữu quan và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của VKSND tối cao để lấy ý kiến rộng rãi cùng với việc lấy ý kiến góp ý, phản biện của tổ chức, cá nhân có liên quan về Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, VKSND tối cao đã tổng hợp, nghiêm túc nghiên cứu, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến góp ý, hoàn thiện dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành

Luật TTTP về hình sự liên quan trực tiếp đến thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng các cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan. Do đó, tổ chức thi hành Luật là trách nhiệm của tất cả các cơ quan có liên quan, trong đó trách nhiệm chính thuộc về VKSND tối cao với vai trò là Cơ quan trung ương của Việt Nam trong lĩnh vực TTTP về hình sự.

2. Cơ quan chịu trách nhiệm Giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách

Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội giám sát việc thi hành Luật. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc triển khai thi hành Luật trong phạm vi địa phương.

⁶ Công văn số 2604/VPCP-PL ngày 24/9/2020 của Văn phòng Chính phủ.

Trên đây là nội dung Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật TTTP về hình sự, VKSND tối cao trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để báo cáo);
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội (để thẩm tra);
- Chính phủ;
- Lưu: VT, V13, V14.

VIỆN TRƯỞNG

(đã ký)

Lê Minh Trí